

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/DSST

Ngày 20-01-2021

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường; Ông Lê Ngọc Giới.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐ-HPT ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn:

- Anh **Vũ Trí T1**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

- Chị **Thân Thị H**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2020, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T (do chị Lê Thị H đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Anh Nguyễn Văn T làm nghề buôn bán thức ăn chăn nuôi, giữa anh T và vợ chồng anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H không có quan hệ gia đình mà chỉ là khách hàng mua bán thức ăn chăn nuôi.

Từ nhiều năm trước vợ chồng anh T1, chị H đã mua thức ăn chăn nuôi để về sử dụng, mặc dù đã thanh toán trả tiền làm nhiều đợt nhưng vẫn còn nợ tiền cám của anh T. Ngày 15/7/2019 vợ chồng anh T1, chị H và anh T đã thống nhất chốt lại công nợ với nhau, các bên có viết giấy tờ chốt nợ, theo đó vợ chồng anh T1 – chị H còn nợ anh số tiền cám là 428.781.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng). Anh T1 – chị H hẹn sau khi thu hoạch được lúa vớt tiếp (tháng 12 âm lịch năm 2019) theo sẽ thanh toán trả số tiền trên cho anh.

Sau đó anh T1 – chị H không thực hiện đúng như cam kết, mặc dù anh T đã đến đòi nhiều lần nhưng anh T1 – chị H đều khất lần, đến nay chưa trả.

Nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải liên đới trách nhiệm trả anh khoản tiền nợ gốc là 428.781.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày chốt nợ (tức ngày 15/7/2019) đến ngày thụ lý vụ án 16/10/2020 với lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên anh Nguyễn Văn T chỉ yêu cầu anh T1 – chị H trả tròn 50.000.000 đồng tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020, bị đơn anh Vũ Trí T1 trình bày:

Anh và anh Nguyễn Văn T là bạn bè chơi với nhau từ nhỏ, sau này anh T làm nghề kinh doanh thức ăn chăn nuôi (cám), anh có nhiều lần mua cám của anh T về chăn nuôi. Phương thức thanh toán là mỗi đợt bán được vịt thì sẽ thanh toán tiền cám. Cụ thể từng lần mua bán thế nào thì anh không nhớ được nhưng xác định giữa anh và anh Nguyễn Văn T có chốt nợ vào năm 2019. Anh còn nợ của anh T tổng số tiền là 428.781.000 đồng. Việc anh T khởi kiện với số tiền theo như đơn khởi kiện là đúng, anh không có ý kiến gì.

Về lý do anh chưa trả được tiền cám cho anh T là do việc chăn nuôi của anh trong mấy năm qua gặp rủi ro, dịch bệnh, giá vịt giảm, vịt nuôi ra bán không đủ trả tiền cám nên các khoản nợ ngày càng nhiều lên, anh T có liên hệ đòi tiền nhiều lần nhưng anh chưa có để trả.

Nay anh T khởi kiện thì quan điểm của anh là có nợ thì phải trả, nhưng trả ngay một lúc thì anh không có khả năng vì điều kiện kinh tế của anh hiện nay rất khó khăn, nên anh chỉ có thể trả dần theo phương thức trả làm 2 lần/năm (vì một năm có hai đợt thu hoạch vào tháng 5 và tháng 12 âm lịch), mỗi lần có thể trả được từ 10 triệu đến 20

triệu đồng. Trường hợp chăn nuôi gặp thuận lợi thì anh có thể trả hết cho anh T ngay chứ không phải trả làm nhiều lần. Anh đồng ý có trách nhiệm đối với số tiền nợ gốc còn việc anh T đòi cả tiền lãi thì anh không đồng ý vì anh mua cám về chăn nuôi chưa phải trả tiền lãi bao giờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thân Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh Vũ Trí T1, khoảng năm 2017 thì vợ chồng chị có mua cám (thức ăn chăn nuôi) của anh Nguyễn Văn T. Cụ thể từng lần lấy cám và việc thanh toán thì chị không nhớ rõ nhưng chị xác nhận việc chốt nợ giữa anh T1 (chồng chị) và anh Nguyễn Văn T là đúng. Từ ngày chốt nợ đến nay vợ chồng chị chưa trả thêm cho anh T được khoản tiền nào.

Chị xác định số nợ này là nợ chung của vợ chồng nên việc anh Nguyễn Văn T yêu cầu anh Vũ Trí T1 và chị phải có trách nhiệm trả nợ thì chị nhất trí.

Nay anh T khởi kiện thì quan điểm của chị là có nợ thì phải trả, nhưng trả ngay một lúc thì vợ chồng chị không có khả năng vì điều kiện kinh tế của gia đình hiện nay rất khó khăn, chị xin được trả dần làm nhiều lần. Ý kiến của chị cũng như ý kiến của anh Vũ Trí T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H trình bày:

Chị nhất trí với các lời khai và yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Yếu tố Tòa án tuyên buộc anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải trả số tiền gốc là 428.781.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi là 478.781.000 đồng. Số nợ của T1 – chị H là tài sản chung của vợ chồng chị, chị nhất trí để anh Nguyễn Văn T đại diện khởi kiện đối với vợ chồng anh T1 – chị H. Chị không yêu cầu anh T1 – chị H phải chịu trách nhiệm riêng gì đối với chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430; Điều 434; Điều 440; Điều 357; Điều 468; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 428.781.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi tiền lãi: Buộc anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền lãi là

50.000.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi mà anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải trả anh Nguyễn Văn T là 478.781.000 đồng.

Về khoản tiền lãi từ sau ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử vụ án do nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H trả tiền mua thức ăn chăn nuôi. Do vậy đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H có địa chỉ cư trú tại thôn Húi, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn T và anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H phát sinh vào năm 2019. Do vậy cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Thời hiệu khởi kiện đối với quan hệ tranh chấp này được quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 15/7/2019, do đó việc anh Nguyễn Văn T khởi kiện đối với anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H là trong thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Xét thấy Tòa án đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ đối với bị đơn hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ lời khai của các bên đương sự xác định: Năm 2017 anh Nguyễn Văn T đã nhiều lần bán cám (thức ăn chăn nuôi) cho vợ chồng anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H. Do anh T1 – chị H chưa trả hết tiền nên vào ngày 15/07/2019 các bên thống nhất chốt nợ với nhau, theo văn bản chốt nợ tính đến ngày 15/7/2019 anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H còn nợ anh Nguyễn Văn T tổng số tiền 428.781.000 đồng. Thời hạn thanh toán các bên thỏa thuận với nhau là vào tháng 12/2019 âm lịch.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định là có việc mua bán thức ăn chăn nuôi và việc chốt số nợ với nhau. Do vậy có đủ căn cứ xác định giao dịch là có thật do được cả hai bên thừa nhận, nội dung chốt nợ là sự thỏa thuận tự nguyện của hai phía. Lời khai của các bên phù hợp với nhau nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong sự việc này, nguyên nhân phát sinh tranh chấp do anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo cam kết, do vậy anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu anh T1 – chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do vậy yêu cầu này của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi:

Xét thấy tại văn bản chốt nợ ngày 15/7/2019 các bên không thỏa thuận về việc tính lãi nhưng có thỏa thuận với nhau về thời hạn thanh toán. Đến hạn thanh toán anh T1, chị H không trả được tiền gốc cho anh T, do vậy anh T có quyền kiện đòi khoản tiền lãi đối với anh T1 – chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Mức lãi suất 10%/năm như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu đòi tiền lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi phải trả: Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi từ thời điểm các bên chốt nợ 15/07/2019 đến ngày Tòa án thụ lý vụ án 16/10/2020 với mức lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 50.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nếu tính cụ thể số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn kể từ ngày chốt nợ 15/07/2019 đến ngày Tòa án thụ lý vụ án 16/10/2020 theo mức lãi suất 10%/năm thì số tiền lãi mà bị đơn phải trả là 53.597.625 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tròn số là 50.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và yêu cầu này có lợi cho bị đơn (vì thấp hơn số tiền lãi thực tế). Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Buộc bị đơn là anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn T 50.000.000 đồng tiền lãi.

Tổng cả gốc và lãi mà anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn T là 478.871.000 đồng.

[4] Đối với khoản tiền lãi từ ngày 16/10/2020 đến ngày xét xử vụ án do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về trách nhiệm liên đới trả nợ:

Căn cứ lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án thì anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H đều thừa nhận việc mua bán với anh Nguyễn Văn T và có nhận nợ anh T số tiền 428.781.000 đồng. Mặc dù anh T1 là người trực tiếp giao dịch mua bán cá nhân với anh T nhưng chị H là vợ anh T1 có biết việc đó, mặt khác việc mua thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích phát triển kinh tế cho gia đình anh T1 – chị H. Do vậy khoản tiền mà anh T đang kiện đòi chính là nợ chung của vợ chồng anh T1 – chị H. Căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ chồng anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh Nguyễn Văn T T1 bộ nợ gốc và tiền lãi là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên anh Vũ Trí T1, chị Thân Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429; Điều 430; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Buộc anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là **428.781.000** đồng và số tiền lãi là **50.000.000** đồng. Tổng cả gốc và lãi là **478.781.000** đồng (*Viết bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004993 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Anh Vũ Trí T1 và chị Thân Thị H phải chịu 23.939.000 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn